SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO& DU LỊCH **THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02 /QĐ-TVT	*Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng.

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 59/TB-STC ngày 09/01/2019 của Sở Tài chính Lâm Đồng V/v Thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-VHTTDL ngày 14/01/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng V/v Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho Thư viện tỉnh Lâm Đồng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng *(theo các biểu mẫu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Phòng Hành chính, Kế toán Thư viện tỉnh và các đơn vị chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu VT, KT.

GIÁM ĐỐC

HỒ THANH HÀ

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TVT ngày 18/01/2019 của....)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	12
	Phí thư viện	12
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
	Chi phí trực tiếp	
	Trích 40% nộp CCTL	4,8
	Trích 60% bổ sung hoạt động	7,2
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**3.603**
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.917
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu	Thủ trưởng đơn vị
Nguyễn Thị Huỳnh Duyên	**Hồ Thanh Hà**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ QUÝ 1 /CẢ NĂM) năm 2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý1/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	*12*	*2,6*	*21,7*	*100*
1	Số thu phí, lệ phí	12	2,6	*21,7*	100
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
	Phí Thư viện	*12*	*2,6*	*21,7*	*100*
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12	2,6	*21,7*	100
	Chi phí trực tiếp				
	Trích 40% nộp CCTL				
	Trích 60% bổ sung hoạt động				
2.1	Chi sự nghiệp……				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
	……				
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
	……				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý1/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**3.603**	***649***	***18***	***100***
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.917	*487*	*25,4*	*100*
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686	*162*	*9,6*	*100*
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 03 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Thủ trưởng đơn vị

THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

Hồ Thanh Hà